

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Chủ đầu tư là: Công ty Điện lực Ninh Bình Địa chỉ: Số 09, đường Trần Hưng Đạo, phố 12, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình Mã số thuế: 0100100417-068 Điện thoại: 0229.2210209 Email: Ctydlninhbinh@gmail.com;
E-ĐKC 1.7	Công trình bao gồm: Đầu tư xây dựng mới và cải tạo các Đường dây trung, hạ thế khu vực huyện Yên mô cũ và thành phố Tam Điệp cũ, tỉnh Ninh Bình nay là các phường, xã: xã Yên Mô, xã Yên Từ, xã Yên Mạc, xã Đồng Thái, phường Tam Điệp, phường Yên Sơn, phường Trung Sơn và phường Yên Thắng – tỉnh Ninh Bình;
E-ĐKC 1.10	Địa điểm Công trường tại: Các Đường dây trung, hạ thế khu vực huyện Yên mô cũ và thành phố Tam Điệp cũ, tỉnh Ninh Bình và được xác định trong Bản vẽ số: Các bản vẽ mặt bằng và mặt cắt tuyến đường dây (hiện trạng và sau xây dựng, cải tạo) kèm theo.
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng thi công và nhà thầu sẽ bắt đầu tiến hành thi công xây dựng công trình ngay sau ngày khởi công (Sau khi phương án thi công và biện pháp an toàn được duyệt).
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ____ <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i> .
E-ĐKC 1.29	- Tư vấn quản lý dự án: Chủ đầu tư tự thực hiện; - Tư vấn giám sát là: _____ <i>[ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn giám sát]</i> ;

E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: Không áp dụng;
E-ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT; E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của nhà thầu trúng thầu; Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng (nếu có); Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; Bảo lãnh thực hiện hợp đồng; Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng. - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (<i>tùy điều kiện nào đến trước</i>) cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. Trường hợp ngày hết hiệu lực bảo lãnh trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ, tết thì ngày hết hiệu lực được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này. Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là ... phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là ... phần trăm (%) giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp. Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; + Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng; + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích.

	+ Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng. - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được Chủ đầu tư giải tỏa và trả lại cho Nhà thầu không chậm hơn 28 ngày kể từ khi Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng, Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và Chủ đầu tư nhận được Bảo lãnh bảo hành từ Nhà thầu.
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 3 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 2 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 1 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 3 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].</i>
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: _____ giá hợp đồng <i>[Hệ thống trích xuất theo Mục 27.3 E-CDNT].</i>
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ:

	- Khi ký hợp đồng thầu phụ, Nhà thầu phải thực hiện theo các quy định sau: Đối với các nhà thầu phụ không có trong danh sách thầu phụ kèm theo Hợp đồng thì phải được Chủ đầu tư và tư vấn giám sát chấp thuận; - Trường hợp nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định (nếu có): Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định là một nhà thầu được chủ đầu tư chỉ định cho Nhà thầu chính thuê làm Nhà thầu phụ để thực hiện một số phần việc chuyên ngành có yêu cầu kỹ thuật cao hoặc khi Nhà thầu thầu không đáp ứng được tiến độ thực hiện hợp đồng sau khi Chủ đầu tư đã yêu cầu; Nhà thầu có quyền từ chối nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định nếu công việc Nhà thầu đang thực hiện vẫn tuân thủ đúng các thỏa thuận trong Hợp đồng hoặc có đầy đủ cơ sở cho rằng nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định không đáp ứng được các yêu cầu theo Hợp đồng; Chủ đầu tư có thể thanh toán trực tiếp cho Nhà thầu phụ trên cơ sở đề xuất thanh toán của Nhà thầu chính.
E-ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành công trình và bàn giao đưa vào sử dụng
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: Các Đường dây trung, hạ thế khu vực huyện Yên mô cũ và thành phố Tam Điệp cũ, tỉnh Ninh Bình.
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực;
E-ĐKC 27.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hoặc một khoảng thời gian khác do hai bên tự thỏa thuận kể từ khi tranh chấp phát sinh. Giải quyết tranh chấp: Trong trường hợp các bên không tự thương lượng được các tranh chấp hợp đồng thì sẽ được giải quyết tại Tòa án theo quy định của pháp luật. Quyết định của Tòa án được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả 2 bên. Bên thua kiện sẽ phải chịu án phí.
B. Quản lý thời gian	

E-ĐKC 28	- Ngày khởi công: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng thi công và nhà thầu sẽ bắt đầu tiến hành thi công xây dựng công trình ngay sau ngày khởi công (Sau khi phương án thi công và biện pháp an toàn được duyệt). - Ngày hoàn thành dự kiến: 90 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 05 từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 29.4	- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: + Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có những phát sinh ảnh hưởng đến tiến độ thi công, bên nhận thầu được phép điều chỉnh tiến độ chi tiết theo tuần, tháng nhưng phải phù hợp với tiến độ tổng thể của Hợp đồng và được chủ đầu tư chấp thuận. + Trong vòng 03 ngày kể từ khi được Chủ đầu tư chấp thuận cho phép điều chỉnh tiến độ, Nhà thầu phải lập biểu tiến độ thi công chi tiết điều chỉnh trình Chủ đầu tư và cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết theo quy định. + Nhà thầu chỉ được phép tiếp tục triển khai thi công sau khi đã trình Chủ đầu tư chấp thuận và cập nhật Biểu tiến độ thi công điều chỉnh. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật 0 VND
E-ĐKC 30.7	Các trường hợp khác: Không.
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	Vật tư, máy móc, thiết bị: - Đối với cột bê tông ly tâm: Kiểm tra chất lượng cột, thử nghiệm theo tiêu chuẩn TCVN 5847:2016 đặc biệt là thử nghiệm kiểm tra tải ngang của cột bê tông ly tâm (lực đầu cột) (quy định tại mục 6 Phương pháp thử và mục 7.13 Hồ sơ kỹ thuật trong TCVN 5847:2016) theo quy định tại văn bản số 4884/EVNNPC-ĐT ngày 09/11/2017 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc và theo điểm 6 khoản II-Yêu cầu kỹ thuật của vật tư thiết bị, Mục C-Yêu cầu kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật, Chương V-Yêu cầu về kỹ thuật;

	- Thử nghiệm mẫu vật liệu xây dựng, mẫu bê tông: Tại công trường hoặc trong phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn và quy định hiện hành; - Đối với các vật tư, thiết bị khác: Theo quy định tại Chương V-E-HSMT. - Đối với VTTB thu hồi sau thi công: [Nếu có] + VTTB mới còn thừa sau thi công do không lắp đặt: Sau khi kết thúc thi công yêu cầu Bên B thu hồi vận chuyển để nhập kho theo yêu cầu của Bên A [chỉ áp dụng đối với VTTB A cấp mới B không đưa vào lắp đặt.]. + VTTB thu hồi cũ tháo dỡ khỏi lưới: Trước khi thi công yêu cầu Bên B lập Biên bản có xác nhận của đơn vị quản lý tài sản xác định VTTB thu hồi trước khi tháo dỡ ra khỏi lưới, sau khi thi công lập Biên bản xác định VTTH sau tháo dỡ và vận chuyển bàn giao để nhập kho Đơn vị quản lý tài sản theo yêu cầu của Bên A. + Các Biên bản xác định vật tư thu hồi, phiếu nhập kho vật tư thu hồi có đóng dấu xác nhận của Đơn vị quản lý tài sản là tài liệu không thể thiếu trong hồ sơ nghiệm thu thanh toán của Hợp đồng. - Đối với Hồ sơ kiểm soát chất lượng của nhà thầu: (theo quy định tại Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng) sẽ được nộp sau 7 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: Đơn giá cố định;
E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: Cố định.
E-ĐKC 42.1	- Tạm ứng: Tối đa 30% giá trị hợp đồng. - Thời điểm tạm ứng: Ngay khi hợp đồng có hiệu lực đồng thời phù hợp với kế hoạch vốn cấp của EVNNPC và chủ đầu tư nhận được các chứng từ sau: + Thư yêu cầu thanh toán: 04 bản gốc + Bảo đảm thực hiện hợp đồng: 03 bản sao y của ngân hàng phát hành + Bảo lãnh trả trước do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp và có uy tín tại Việt Nam phát hành có giá trị tương ứng số

	tiền tạm ứng (Bảo lãnh tạm ứng là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang phải có hiệu lực đến khi thu hồi hết tiền tạm ứng): 01 bản gốc và 05 bản sao y của Ngân hàng phát hành. + Chúng nhận bảo hiểm vật tư máy móc thi công; bảo hiểm tự nguyện dân sự đối với người thứ 3 + hợp đồng bảo hiểm (nếu có): 02 bộ sao y của nhà thầu. - Hoàn trả tiền tạm ứng: Tiền tạm ứng sẽ được hoàn trả bằng cách khấu trừ đi số tiền theo tỷ lệ nhất định trong các khoản thanh toán khối lượng hoàn thành của Nhà thầu theo từng giai đoạn và thu hồi hết giá trị tạm ứng khi khối lượng thanh toán nghiệm thu gói thầu đạt đến 80% giá trị hợp đồng. Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng. Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả. Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định. Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.
E-ĐKC 44.1	Phương thức thanh toán: - Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VNĐ).

	- Lãi suất thanh toán chậm và phạt thanh toán chậm: Thực hiện theo khoản 2 Điều 43 NĐ 37/2015 (các văn bản sửa đổi thay thế khác nếu có). - Hình thức thanh toán: Chuyển khoản - Thanh toán giai đoạn: Bên A sẽ thanh toán cho bên B thành một hoặc nhiều lần dựa trên đề nghị của nhà thầu và căn cứ vào tiến độ thực hiện, cơ sở đơn giá hợp đồng, khối lượng được nghiệm thu và chất lượng của từng lần thanh toán (bao gồm cả tạm ứng). Tuy nhiên đảm bảo tổng giá trị của tất cả các lần thanh toán không vượt quá 90% giá trị Hợp đồng trước thuế (bao gồm cả giá trị tạm ứng) và 100% thuế VAT (Việc thanh toán thuế VAT sẽ được thực hiện riêng); Bên A có trách nhiệm thẩm tra, xem xét và gửi lên cơ quan cấp phát vốn sau khi nhận được các hồ sơ do bên B lập gồm có: + Công văn đề nghị thanh toán: 06 bản gốc; + Hóa đơn GTGT: 01 bản gốc và 05 bản sao; + Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo Phụ lục 03a, 03c của Nghị định 99/2021-NĐ-CP ngày 11/11/2021 (các văn bản sửa đổi thay thế khác nếu có): 06 bản gốc; + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành có đại diện bên A, B ký và đóng dấu: 06 bản gốc + Biên bản nghiệm thu vật tư thiết bị tại chân công trình trước khi sử dụng lắp đặt cho công trình có ký xác nhận của bên A và bên B (Yêu cầu ghi rõ số lượng, chất lượng, xuất xứ): 06 bản gốc; <i>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng</i> - Thanh toán 10% còn lại như sau: ✓ 5% giá trị nghiệm thu quyết toán được thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 60 ngày sau khi Nhà thầu hoàn thành công tác xây lắp, đóng điện, bàn giao công trình đưa vào sử dụng và cung cấp cho Chủ đầu tư các hồ sơ sau: + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành quyết toán có đại diện A, B ký và đóng dấu (theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng): 06 bản gốc; + Hồ sơ quyết toán giá trị có đại diện A-B ký và đóng dấu: 06 bản gốc; +Thư Bảo lãnh bảo hành có giá trị 5% giá trị hợp đồng: 01 bản gốc và 05 bản sao của ngân hàng phát hành. ✓ 5% còn lại được thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 03 tháng sau khi công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành và hai bên thanh lý hợp đồng.
--	--

	- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhà thầu trình đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng thời phù hợp với kế hoạch vốn NPC giao.
E-ĐKC 45	Điều chỉnh thuế: <i>Được phép.</i> <i>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</i>
E-ĐKC 46.1	Phản tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5%
E-ĐKC 47.1(d)	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: Theo điều 114 nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ.
E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 49.1	Mức phạt: Nếu nhà thầu vi phạm về thời gian hoàn thành, chất lượng công việc như quy định tại Hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Chủ Đầu tư gây ra, Nhà thầu sẽ bị phạt hợp đồng do chậm tiến độ, vi phạm chất lượng công việc như sau: 1. Đối với việc VTTB cung cấp cho gói thầu: - Phạt chậm tiến độ: Khi Bên B vi phạm nghĩa vụ hoàn thành công tác cung ứng VTTB theo điều khoản về tiến độ thì sẽ bị phạt như sau: Phạt 1% giá trị phần hàng hoá VTTB bị vi phạm cho mỗi tuần, khi nhà thầu chậm đến 5 tuần Bên A sẽ xem xét đình chỉ thực hiện phần việc bị vi phạm này và sẽ ký kết hợp đồng với một nhà thầu khác để thực hiện, chi phí cho việc này sẽ được trừ vào giá trị hợp đồng. - Phạt vi phạm chất lượng: Trong thời gian bảo hành theo hợp đồng nếu hàng hoá, VTTB hư hỏng do không đảm bảo về chất lượng thì nhà thầu có trách nhiệm thay thế theo quy định tại điều khoản của bảo hành. - Phạt do thay đổi xuất xứ: nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng, nhà thầu đề nghị thay đổi xuất xứ, chủng loại của hàng hoá thì ngoài việc cung cấp các nguyên nhân và tài liệu liên quan để cho Bên A xem xét và trình cấp có thẩm quyền cho phép thay đổi, trong trường hợp được chấp nhận, nhà thầu còn phải chịu phạt 5% giá trị đã ký kết trong hợp đồng của hàng hoá xin đổi, trừ những trường hợp bất khả kháng.

	2. Đối với phần xây dựng: Trong trường hợp bên B vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng theo tiến độ (Ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì bên B sẽ bị phạt những khoản tiền như sau: - Phạt 1.5 % giá trị xây lắp bị vi phạm cho mỗi tuần; - Khi bên B chậm đến 8 tuần thì Bên A sẽ xem xét đình chỉ hợp đồng và tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng; - Bên B vi phạm nghĩa vụ nộp tiến độ thi công chi tiết và biện pháp tổ chức thi công thì bị phạt 1% giá trị hợp đồng. Khi bên B chậm đến 2 tuần thì bên A sẽ xem xét đình chỉ hợp đồng và tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng. - Trong trường hợp bên B vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng cho công trình, bên B sẽ chịu mọi chi phí và thực hiện việc sửa chữa theo yêu cầu của bên A để đảm bảo chất lượng và bị phạt 10% giá trị phần hợp đồng xây lắp bị vi phạm về chất lượng. Trường hợp do sửa chữa mà phải kéo dài thời gian hoàn thành công trình thì tiếp tục xử lý phạt. 3. Trong trường hợp bên B không thực hiện hợp đồng thì sẽ tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng. 4. Các trường hợp vi phạm ngoài việc phải chịu phạt như quy định ở trên, nhà thầu còn phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về bồi thường thiệt hại do vi phạm trực tiếp hay gián tiếp gây ra cho Bên A hoặc Bên thứ 3. 5. Mọi trường hợp vi phạm trên được hiểu là do lỗi chủ quan của nhà thầu, các trường hợp này sẽ là cơ sở để Bên A xem xét khả năng, năng lực, uy tín của nhà thầu trong việc tham gia thực hiện các gói thầu khác do Bên A quản lý. 6. Nếu 03 lần kiểm tra công trình, bên A phát hiện bên B không có đủ nhân lực bộ máy thi công, máy móc, thiết bị thi công, vật tư thiết bị theo tiến độ cam kết trong hợp đồng và biện pháp, tiến độ tổ chức thi công đã được bên A chấp thuận, bên A có quyền đình chỉ hợp đồng, tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bên B còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do sự vi phạm gây ra. 7. Các vướng mắc trong thi công gói thầu, bên A triệu tập bên B họp giải quyết, nếu quá 03 lần, nhà thầu không cử đại diện hợp pháp bên A có quyền đình chỉ hợp đồng, tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bên B còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do sự vi phạm gây ra. 8. Không quá 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu đóng điện đưa công trình vào sử dụng, bên B phải giao nộp đầy đủ hồ sơ quyết toán cho bên A và cử cán bộ chuyên môn giải quyết các vướng mắc trong quá trình thẩm tra hồ sơ quyết toán. Quá 60 ngày kể từ ngày nghiệm thu đóng điện đưa công trình vào sử dụng bên B mới giao nộp hồ sơ quyết toán sẽ bị phạt 0,1% giá trị hợp đồng cho mỗi tuần chậm.
E-ĐKC 49.2	Bồi thường thiệt hại: Áp dụng. - <i>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;</i>

E-ĐKC 49.3	Thưởng hợp đồng: Không áp dụng.
	E. Kết thúc hợp đồng
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: Sau khi nghiệm thu, bên B khắc phục hết các tồn tại và các bên ký biên bản bàn giao công trình đưa vào sử dụng; Thời gian bảo hành công trình: ≥ 18 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng. Bảo lãnh bảo hành: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày Công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được Chủ đầu tư chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Nhà thầu phải giao cho Chủ đầu tư Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Nhà thầu gửi Chủ đầu tư phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 5 phần trăm (%) Giá trị hợp đồng. Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới. Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hoá, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Chủ đầu tư chấp nhận. Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Nhà thầu thì Nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Nhà thầu theo thời gian yêu cầu của Chủ đầu tư. Trước khi tiến hành sửa chữa, Nhà thầu phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Chủ đầu tư phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Nhà thầu cố tình trì hoãn sửa chữa thì Chủ đầu tư có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan này. Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Nhà thầu chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Nhà thầu phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Chủ đầu tư trước thời điểm hết hiệu lực

	của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Nhà thầu không gia hạn bảo lãnh thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành.
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Không muộn hơn 07 ngày trước ngày hợp đồng hết hiệu lực;
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: 101.000.000 VND.
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 20 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.